

Số: 696 /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
thời gian còn lại nhiệm kỳ 2022-2027**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Văn Phụng – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Căn cứ số lượng hồ sơ đề cử, ứng cử tính đến thời điểm 24h ngày 17/4/2026;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 18/4/2026 đề cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét quyết định:

I. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Phụng (có đơn từ nhiệm kèm theo).

II. Danh sách ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Đại diện Chủ sở hữu – UBND thành phố Hải Phòng đề cử các ông/bà có tên sau để Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

Ông Nguyễn Đức Dũng, giới tính Nam, sinh ngày 14/7/1970;

- Số thẻ căn cước công dân: 030070005500 cấp ngày 10/8/2022 nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

- Địa chỉ thường trú: Số 85, Nguyễn Đình Bê, phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty - Bí thư chi bộ Phòng Kế hoạch kinh doanh

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Cấp thoát nước.

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị

(có sơ yếu lý lịch của ứng viên kèm theo)

2. Các nhân sự đề cử khác (nếu có) sẽ được báo cáo cụ thể tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.



Vũ Mạnh Dũng

SƠ YẾU LÝ LỊCH / CURRICULUM VITAE



1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): **NGUYỄN ĐỨC DŨNG**

Name in full (in block capital letter): **NGUYEN DUC DUNG**

2) Tên gọi khác/ Other names: Không có /None

3) Sinh ngày/ Date of birth: 14/7/1970 / (14th July 1970)

Giới tính / Gender: Nam / Male

4) Nơi sinh/ Place of birth: Xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng /
Nam Sach Commune, Hai Phong City.

5) Quê quán / Place of origin: Yên Mẫn, Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh / Yen Man, Kinh Bac Ward, Bac Ninh Province

6) Dân tộc/ Ethnic group: Kinh/Kinh

7) Tôn giáo/ Religion: Không /None

8) Nơi đăng ký hộ khẩu TT/ Place of household registration: Số 85, Nguyễn Đình Bể, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng / No. 85, Nguyen Dinh Be Street, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong City

9) Nơi ở hiện nay/ Current place of residence: Số 85, Nguyễn Đình Bể, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng / No. 85, Nguyen Dinh Be Street, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong City

10) Số điện thoại liên hệ / Cell phone number: 0912596616

11) Nghề nghiệp / Occupation: Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Cấp thoát nước / Mechanical Engineer, Water Supply and Sewerage Engineer

12) Trình độ / Qualification:

12.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào)/ General education level (which grade/system completed): Grade 12/12

12.2- Trình độ chuyên môn cao nhất / Highest level of expertise: Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Cấp thoát nước / Mechanical Engineer, Water Supply and Sewerage Engineer

12.3- Ngoại ngữ / Foreign language: Trình độ C tiếng Anh C/ English, level C

12.4-Tin học/ Informatics: Trình độ C, level C

13) Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua) / Process of Employment (Time, place of work, position held, working experience):

TT / No	Thời gian (Tháng/Năm) / Time (Month/Year)	Nơi làm việc (Tên tổ chức làm việc) / Place of work (Name of employing organization)	Chức vụ/ Position held	Vị trí làm việc/ Position
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	10/1987 – 5/1992	Trường Đại học Nông Nghiệp I Hà Nội / Hanoi University of Agriculture I	Sinh viên / Student	Sinh viên / Student
2	7/1995 – 10/2000	Công ty Giày Hải Dương / Hai Duong Shoe Company	Nhân viên/ Staff	Phòng Kỹ thuật/ Technical Department
3	11/2000 – 12/2001	Công ty TNHH Việt Phát / Viet Phat Company Limited	Nhân viên/ Staff	Phòng Kế hoạch – Xuất nhập khẩu / Planning and Import-Export Department
4	01/2002 – 3/2004	Công ty Cấp nước Hải Dương / Hai Duong Water Supply Company	Nhân viên/ Staff	Phòng Kế hoạch Kinh doanh / Business Planning Department
5	4/2004 – 3/2011	Công ty Cấp nước Hải Dương / Hai Duong Water Supply Company	Phó phòng / Deputy Head	Phòng Kế hoạch Kinh doanh / Business Planning Department
6	4/2011 – 4/2013	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hải Dương / Hai Duong Water Supply Single Member Company Limited	Trưởng phòng / Head of Department	Phòng Cơ điện và CNTT / Electromechanics and Information Technology Department
7	5/2013 – 4/2015	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hải Dương / Hai Duong Water Supply Single Member Company Limited	Giám đốc / Director	Trung tâm QTUD và CNTT / Center for Application Management and Information Technology
8	01/2018 – 04/2026	Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương / Hai Duong Water Jont Stock Company	Trưởng phòng / Head of Department	Phòng Kế hoạch Kinh doanh / Business Planning Department

14) Số chứng minh nhân dân/CCCD / National ID/Citizen ID No.: 030070005500

Ngày cấp/ Issued on: 10th August 2022

15) Đặc điểm lịch sử bản thân/ Personal characteristics:

- Người có liên quan (là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán) / Related persons (Related parties as defined by Securities Law)

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	GCNĐKKD (tổ chức)/ CMND, CCCD (Công dân Việt Nam)/ Hộ chiếu (Người nước ngoài) ngày cấp, nơi cấp	Nơi học tập/ làm việc/ khác	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ (%)
No	Related person	Relationship	Business Registration Certificate (organization)/ ID (Vietnam citizen)/ Passport (Foreigner), date and place of issue	Other places of study and work	Position at work	Name of the securities company or fund management company with contributed capital	Holding rate (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nguyễn Văn Đức	Bố đẻ / Birth father	Đã chết / Deceased				
2	Nguyễn Thị Mai	Mẹ đẻ / Birth mother	Đã chết / Deceased				
3	Kiều Xuân Phô	Bố vợ/ Father in law	Đã chết / Deceased				
4	Phạm Thị Hiệp	Mẹ vợ / mother in law	Đã chết / Deceased				
5	Kiều Thị Thanh Huệ	Vợ / Wife	03174005752	Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương / Hai Duong Water Jont Stock Company	Nhân viên – phòng Quản lý Đầu tư và XDCB / Staff of Construction Investment Management Deaprtment		
6	Nguyễn Thị Huệ Dung	Con gái / Daughter	030301001478	Trường Đại học Hải Dương / University of Hai Duong	Giảng viên / Lecturer		
7	Nguyễn Kiều Trang	Con gái/ Daughter	030307007535	Trường Đại học Công nghệ Nanyang – Singapore / Nanyang Technological University (NTU) Singapore	Sinh viên / Student		



8	Nguyễn Thị Mai Hương	Em gái / Younger sister	030174015979		Công nhân / Worker		
9	Nguyễn Thị Mai Liên	Em gái / Younger sister	030175023180	Trường THCS Nam Hồng / Nam Hong Junior High School	Giáo viên / Teacher		
10	Nguyễn Thị Mai Hiền	Em gái / Younger sister	030180013315	Trường THCS Lê Quý Đôn / Le Quy Don Junior High School	Giáo viên / Teacher		
11	Nguyễn Hữu Quyền	Em rể / Younger brother-in-law	030072010014	Về hưu / Retiree	Quân nhân / Soldier		
12	Nguyễn Hồng Quân	Em rể / Younger brother-in-law	030077003321	UBND xã Thái Tân / Thai Tan Commune People's Committee	Công chức / Official		

Ghi chú: Đối tượng áp dụng là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ công ty chứng khoán, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật. / Note: This applies to shareholders, capital contributors owning 10% or more of the charter capital of a securities company, the General Director, and the legal representative.

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp được đại diện (*trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân*) / Name and address of the legal entity in which you own shares or capital contribution and are represented (in case of a representative of a legal entity shareholder's capital contribution)

TT No	Tổ chức góp vốn Organization pooling capital	Địa chỉ Address	Số lượng cổ phiếu năm giữ Number of shares held	Tỷ lệ đại diện (%) Representative ratio (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%) Holding rate (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương/ Hai Duong Water Joint Stock Company	Số 10, đường Hồng Quang, phường Hải Dương, TP Hải Phòng / No.10 Hong Quang street, Hai Duong ward, Hai Phong city, Vietnam	26.900	0	

- Có quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương (có, không)? / Is there a conflict of interest with the interests of Hai Duong Water Joint Stock Company (yes, no)?: Không / No

- Có hành vi vi phạm pháp luật (có, không) / Is there a violation of the law (yes, no)?: Không / No

- Năng lực hành vi dân sự (đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự)/ Civil capacity (full/limited/lacking civil capacity)?: Đầy đủ/ Full

- Có khoản nợ với công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương (có, không) / Is there a debt to Hai Duong Water Joint Stock Company (yes, no)?: Không / no

16) Số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương / Number of shares owned or authorized to represent in Hai Duong Water J.S Company: 26900 Cổ phần / 26, 900 shares

17) Cam kết trước pháp luật / Legal commitment

Tôi cam kết / I commit to:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương / Meeting the standards and conditions to hold the position of Member of Board of Directors at Hai Duong Water Joint Stock Company.

- Thông báo cho Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh sau thời gian Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương tiếp nhận hồ sơ/ Notify Hai Duong Water Joint Stock Company of any changes related to the contents of this declaration that arise after the time Hai Duong Water Joint Stock Company receives the application.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên/ The personal information I have provided to Hai Duong Water J.S Company for consideration and approval of the tentative personnel is true and accurate. I will assume full legal responsibility for the completeness, truthfulness, and accuracy of the information given above.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2026

Hai Phong, 15th March 2026

Người khai / Declarant

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật / I confirm that the statements given above are true and authentic.

(Ký tên, ghi rõ họ tên/signature, full name)

(Chứng thực chữ ký người khai)
(Declarant's signature authentication)



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THANH SƠN

Nguyễn Đức Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị.

Căn cứ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước
sạch Hải Dương ngày 25/6/2021.

Tôi tên là: Nguyễn Văn Phụng
Sinh ngày 24 tháng 7 năm 1964.

Được sự tín nhiệm của ĐHĐCĐ, HĐQT ngày 28/4/2022 Tôi được ĐHĐCĐ
Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bầu làm Thành viên HĐQT
nhiệm kỳ 2022-2027 và được HĐQT bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng
giám đốc công ty nhiệm kỳ 2022-2027. Trong thời gian công tác từ tháng 4/2022
đến tháng 11/2025 trên cơ sở quyền hạn, nhiệm vụ được giao, dưới sự đoàn kết,
hỗ trợ, giúp đỡ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị
và Ban Tổng giám đốc, Tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ
đông, Hội đồng quản trị tin tưởng giao.

Thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động kể từ ngày 01/11/2025, Tôi
được nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Trên cơ sở Văn bản số
3088/UBND-NVKTGS ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải
Phòng về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước, điều chỉnh vốn và miễn
nhiệm, đề cử người tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh
nước sạch Hải Dương nhiệm kỳ 2022-2027, Tôi làm đơn này kính đề nghị
ĐHĐCĐ, HĐQT chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT
nhiệm kỳ 2022-2027.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh
doanh nước sạch Hải Dương xem xét, chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Nguyễn Văn Phụng

Số: 697 /TTr -HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua 25/6/2021;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và tình hình thực tế sản xuất của các đơn vị trực thuộc trong toàn công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của công ty, cụ thể như sau:

A. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN LƯỢNG DOANH THU NƯỚC SẠCH	Triệu m ³	69,2
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	622.490
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	558.860
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	63.630
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.970
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	86.300
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	10,22
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	10,41

B. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
	Lợi nhuận sau thuế năm 2026	Triệu đồng	49.970
1	Trả cổ tức bằng tiền dự kiến 8,2%	%	26.144
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	12.492
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	11.334
3.1	Quỹ khen thưởng	Triệu đồng	2.267
3.2	Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	9.067

C. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2026, trên cơ sở quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;
- Quyết định trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 583/TTr-HĐQT ngày 08/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT,Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Mạnh Dũng

Số: 698 /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Mức tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2025
và mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước
sạch Hải Dương thông qua ngày 25/6/2021.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/6/2025.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Mức tiền lương, thù
lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2025 và mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS kế
hoạch năm 2026 như sau:

I. Mức tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2025.

1. *Mức lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ
đông thông qua ngày 20/6/2025:*

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	37.000.000	
2	Phó CT HĐQT		3.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000
4	Trưởng BKS (CTr)	26.000.000	
5	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
6	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
7	Tổng giám đốc		2.000.000
8	Phó tổng giám đốc		2.000.000
9	Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC		2.000.000
	Tổng cộng :		

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên
trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh
đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Trưởng phòng Tổ chức hành

chính) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó và hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 01 người: Chủ tịch HĐQT.

HĐQT Hưởng thù lao có: 06 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người (Trưởng BKS, 02 Thành viên.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	1.000 m ³	64.800	67.261	103,797%
2	Tổng doanh thu nước	Tr.đồng	595.750	582.986	97,857%
3	Lao động bình quân (không kể Ban điều hành)	Người	945	929	
4	Năng suất lao động	m3/ng/năm	68.571	72.014	
5	Nộp ngân sách	Tr.đồng	79.800	83.126	104,167%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	61.200	61.335	100,220%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	48.300	48.516	100,447%
8	Vốn Doanh nghiệp		Bảo toàn và phát triển vốn	Bảo toàn và phát triển vốn	

Căn cứ các quy định về thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. Hội đồng quản trị đề xuất Mức lương tương ứng mức tăng lợi nhuận 0%.

Mức lương, thù lao thực hiện năm 2025 của HĐQT, BKS cụ thể:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	37.000.000	
2	Phó CT HĐQT		3.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000
4	Trưởng BKS (CTr)	26.000.000	
5	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
6	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
7	Tổng giám đốc		2.000.000
8	Phó tổng giám đốc		2.000.000
9	Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC		2.000.000

II. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng nước sạch	1000 m ³	69.200
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	599.270
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	83.600
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	63.630
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	49.970
6	Vốn Doanh nghiệp		Bảo toàn và phát triển vốn

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Trưởng phòng Tổ chức hành chính) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó và hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS. HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 01 người: Chủ tịch HĐQT.

HĐQT Hưởng thù lao có: 06 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người, Trưởng BKS, 02 Thành viên.

2. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS.

Căn cứ quy định quản lý lao động, thù lao, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước, Hội đồng quản trị đề xuất xây dựng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026 cụ thể như sau:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	37.000.000	
2	Phó CT HĐQT		3.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000
4	Trưởng BKS (CTr)	26.000.000	
5	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
6	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
7	Tổng giám đốc		2.000.000
8	Phó tổng giám đốc		2.000.000
9	Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC		2.000.000

3. Mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2026 của HĐQT, BKS.

Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục 2; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 tại khoản 1 mục 2 Tờ trình này và quy định của nhà nước về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định Mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 589/TTr-HĐQT ngày 08/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Mạnh Dũng